

**BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 1**  
**MÔN: TIẾNG ANH 9 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 – 90 PHÚT**

| TT  | Kĩ năng   | Đơn vị kiến thức/kỹ năng                                                                | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá                                                                                                                           | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |    |            |    |          |    |              |    | Tổng Số CH |    |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|----|------------|----|----------|----|--------------|----|------------|----|
|     |           |                                                                                         |                                                                                                                                                                            | Nhận biết                        |    | Thông hiểu |    | Vận dụng |    | Vận dụng cao |    |            |    |
|     |           |                                                                                         |                                                                                                                                                                            | TN                               | TL | TN         | TL | TN       | TL | TN           | TL | TN         | TL |
| I.  | LISTENING | 1. Nghe năm đoạn hội thoại để tích vào bức tranh phù hợp.                               | Nhận biết:<br>- Nghe lấy thông tin chi tiết.                                                                                                                               | 2                                |    |            |    |          |    |              |    | 2          |    |
|     |           |                                                                                         | Thông hiểu:<br>- Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng.                                                                                |                                  |    | 3          |    |          |    |              |    | 3          |    |
|     |           | 2. Nghe một đoạn hội thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) để hoàn thành thông tin | Nhận biết:<br>- Nghe lấy thông tin chi tiết.                                                                                                                               | 2                                |    |            |    |          |    |              |    | 2          |    |
|     |           |                                                                                         | Thông hiểu:<br>- Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm câu trả lời đúng.                                                                                |                                  |    | 3          |    |          |    |              |    | 3          |    |
|     |           |                                                                                         | Vận dụng:<br>- Hiểu được ý chính của bài nghe để đưa ra câu trả lời phù hợp.<br>- Tổng hợp thông tin từ nhiều chi tiết, loại trừ các chi tiết sai để tìm câu trả lời đúng. |                                  |    |            |    |          |    |              |    |            |    |
|     |           |                                                                                         |                                                                                                                                                                            |                                  |    |            |    |          |    |              |    |            |    |
| II. | LANGUAGE  | 1. Pronunciation<br>Chọn từ có cách phát âm khác                                        | Nhận biết:<br>- Nhận biết các âm hoặc trọng âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học.                                                                                   | 2                                |    |            |    |          |    |              |    | 2          |    |
|     |           |                                                                                         | Thông hiểu:<br>- Phân biệt được các âm trong phần nghe.                                                                                                                    |                                  |    |            |    |          |    |              |    |            |    |
|     |           |                                                                                         | Vận dụng:                                                                                                                                                                  |                                  |    |            |    |          |    |              |    |            |    |

|      |         |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                       |   |  |   |   |  |  |  |  |   |   |
|------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|--|---|---|--|--|--|--|---|---|
|      |         |                                                                                                                       | - Hiểu và vận dụng vào bài nghe/nói.                                                                                                                                  |   |  |   |   |  |  |  |  |   |   |
|      |         | <b>2. Vocabulary</b><br>Từ vựng đã học từ Unit 1 – Unit 3                                                             | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học.                                                                                 | 1 |  |   |   |  |  |  |  | 1 |   |
|      |         |                                                                                                                       | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.<br>- Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |   |  |   |   |  |  |  |  |   |   |
|      |         |                                                                                                                       | <b>Vận dụng:</b><br>- Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ...)                                                  |   |  |   | 2 |  |  |  |  |   | 2 |
|      |         | <b>3. Grammar</b><br>Chủ điểm ngữ pháp từ Unit 1 - Unit 3 ( Reported speech, comparisons,adv clause of concession...) | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học.                                                                                                    | 1 |  |   |   |  |  |  |  | 1 |   |
|      |         |                                                                                                                       | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học.                                                                                               |   |  | 4 |   |  |  |  |  | 4 |   |
|      |         |                                                                                                                       | <b>Vận dụng:</b><br>- Hiểu và vận dụng các kiến thức ngữ pháp đã học vào bài nghe/ nói/ đọc/ viết.                                                                    |   |  |   |   |  |  |  |  |   |   |
| III. | READING | <b>1. Cloze test</b><br>Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ điểm đã học.                          | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản.                                                                                 | 1 |  |   |   |  |  |  |  | 1 |   |
|      |         |                                                                                                                       | <b>Thông hiểu:</b><br>- Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản.                                                      |   |  | 2 |   |  |  |  |  | 2 |   |
|      |         |                                                                                                                       | <b>Vận dụng:</b><br>- Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ                                                                                                                  |   |  |   | 2 |  |  |  |  | 2 |   |

|             |                |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                         |           |  |           |          |          |  |  |           |           |           |
|-------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|-----------|----------|----------|--|--|-----------|-----------|-----------|
|             |                |                                                                                                                                      | và kỹ năng trong các tình huống mới.                                                                                                                                    |           |  |           |          |          |  |  |           |           |           |
|             |                |                                                                                                                                      | <b>Nhận biết:</b><br>- Thông tin chi tiết                                                                                                                               | 2         |  |           |          |          |  |  |           | 2         |           |
|             |                | <b>2. Reading comprehension</b><br>Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản về tác hại của hút thuốc lá 100-120 từ | <b>Thông hiểu:</b><br>- Hiểu ý chính của bài đọc và chọn câu trả lời phù hợp.<br>- Hiểu được nghĩa tham chiếu.<br>- Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp |           |  | 1         |          |          |  |  |           | 1         |           |
|             |                |                                                                                                                                      | <b>Vận dụng:</b><br>- Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.<br>- Hiểu, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp.                                     |           |  |           | 2        |          |  |  |           | 2         |           |
| <b>IV.</b>  | <b>WRITING</b> | <b>1. Error identification</b><br>Xác định lỗi sai                                                                                   | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ loại trong câu.                                                                                                  | 2         |  |           |          |          |  |  |           | 2         |           |
|             |                | <b>2. Sentence transformation</b><br>Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước                                                    | <b>Thông hiểu:</b><br>- Sử dụng các từ đã để sắp xếp thành câu hoàn chỉnh.                                                                                              |           |  |           |          |          |  |  |           |           |           |
|             |                |                                                                                                                                      | <b>Vận dụng:</b><br>- Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi.                                                                |           |  |           |          |          |  |  | 5         |           | 5         |
|             |                | <b>3. Write postcard</b>                                                                                                             | <b>Vận dụng cao:</b><br>- Sử dụng các thông tin đã cho để viết một tấm bưu thiếp                                                                                        |           |  |           |          |          |  |  | 5         |           | 5         |
| <b>Tổng</b> |                |                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                         | <b>13</b> |  | <b>13</b> | <b>0</b> | <b>6</b> |  |  | <b>10</b> | <b>30</b> | <b>12</b> |